

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 6 - 2021

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Lê Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Hoàng Văn Tiến.

Ông: Dương Đức Bản.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 307/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/4/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Thanh T, sinh năm: 1995; nơi ĐKKH: Thôn 2, xã L, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú hiện nay: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn N, sinh năm: 1994; nơi ĐKKH và cư trú: Thôn 2, xã L, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2020, bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Bùi Văn N có đăng ký kết hôn vào ngày 30/10/2017, tại UBND xã L, TP. Đ, Quảng Bình, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với mẹ anh N, vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cách sống, tính cách trái ngược nhau, không cùng chung quan điểm dẫn đến vợ chồng cãi vã, xúc phạm nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình nội ngoại tổ chức hòa giải nhưng vợ chồng không tìm được

tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng thêm. Từ tháng 5/2020 chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở, vợ chồng sống ly thân mỗi người sống mỗi nơi không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Bùi Đỗ Cát T, sinh ngày: 01/04/2018, hiện cháu đang ở với mẹ. Sau ly hôn chị T xin được nuôi con yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong bản tự khai ngày 02/12/2020, biên bản hòa giải ngày 04/12/2020, bị đơn anh Bùi Văn N trình bày: Về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống đúng như chị T đã trình bày, vợ chồng kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do anh N ham chơi theo bạn bè không quan tâm lo lắng cho gia đình vợ con. Anh N đã thấy được lỗi của mình, xin chị T bỏ qua để vợ chồng trở lại đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Anh N đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho anh về mặt thời gian khoảng 01 tháng để vợ chồng cùng nhau trao đổi bàn bạc và có phương án giải quyết.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Bùi Đỗ Cát T, sinh ngày: 01/04/2018, hiện cháu đang ở với mẹ. Nếu Tòa cho chị T ly hôn, anh N xin được nuôi con không yêu cầu chị T phải đóng góp cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Thanh Trà, đây là vụ án hôn nhân gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại TP. Đồng Hới nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Xét quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã đến Tòa tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất. Sau đó tòa án đã triệu tập họp lệ để tiếp tục hòa giải nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập bị đơn đến phiên tòa đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, tại phiên tòa ngày 14/5/2021 anh Bùi Văn N vắng mặt lần thứ nhất nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa có ấn định thời gian địa điểm mở lại phiên tòa lần thứ hai đã được tổng đạt hợp

lệ cho bị đơn, tại phiên toà hôm nay anh N tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh T à anh Bùi Văn N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Lẽ ra, anh chị phải biết thương yêu, chung thủy, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, thời gian gần đây vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Nghĩa ham chơi với bạn bè thiếu sự chia sẻ trách nhiệm, quan tâm lo lắng gia đình, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng căng thẳng, hai bên sống ly thân không ai quan tâm đến ai; chị T ác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống hạnh phúc kiên quyết xin được ly hôn. Trong phiên hòa giải ngày 04/12/2020 anh N có nguyện vọng mong muốn vợ chồng trở lại đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con, đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho anh về mặt thời gian khoảng 01 tháng để vợ chồng về bàn bạc và tìm phương án giải quyết. Tuy nhiên, sau đó Tòa án triệu tập hòa giải để hai bên trở lại đoàn tụ, anh Nghĩa lại bỏ mặc không đến Tòa để được hòa giải và không có biện pháp gì để níu kéo hạnh phúc, vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong đời sống. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho vợ chồng ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T anh N đều thống nhất khai vợ chồng có 01 con chung cháu Bùi Đỗ Cát T, sinh ngày: 01/04/2018, hiện cháu đang ở với mẹ.

Sau ly hôn chị T xin được nuôi con yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng. Anh Nghĩa cũng xin được nuôi con, không yêu cầu chị T phải đóng góp cấp dưỡng.

Xét nguyện vọng và điều kiện của hai bên thấy rằng nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau ly hôn là nguyện vọng chính đáng, thể hiện tình cảm trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái; được trực tiếp nuôi con vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của mỗi người. Tuy nhiên, hiện nay Bùi Đỗ Cát T còn nhỏ, lâu nay đã quen sống với mẹ; Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận đề nghị của chị T, giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp điều kiện hoàn cảnh thực tế và hoàn toàn phù hợp quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, anh Bùi Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Thanh T được ly hôn anh Bùi Văn N.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Bùi Đỗ Cát T, sinh ngày: 01/04/2018, hiện cháu đang ở với mẹ. Sau ly hôn giao cháu Bùi Đỗ Cát T cho chị Đỗ Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; anh Bùi Văn N có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7/2021 cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; số tiền chị T phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/0006736 ngày 11 tháng 11 năm 2020. Anh Bùi Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự.
- UBND xã L, Tp.Đ, QB;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hồng Sơn